được mang theo tối đa bằng mức khi mang vào; được mang ra những tư trang, hàng mỹ nghệ bằng kim loại quý, đá quý mua tại Việt Nam với giấy tờ hợp lệ.

Chương IV

QUY ĐỊNH VỀ THƯỞNG VÀ PHẠT

Điều 18. — Những người có công phát hiện hoặc truy bắt những người vi phạm Điều lệ quản lý ngoại hối được khen thưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 19. — Những người vi phạm Điều lệ này tùy theo lỗi nặng nhẹ bị xử phạt hành chính hoặc bị truy tố theo Bộ Luật Hình sự hiện hành.

Điều 20. — Thẩm quyền xử phạt:

Những vụ vi phạm Điều lệ quản lý ngoại hối tại các cửa khẩu nơi có cơ quan hải quan thì do hải quan xử lý và thông báo cho Ngân hàng.

Những vụ vi phạm Điều lệ quản lý ngoại hối ở những nơi khác trên lãnh thổ Việt Nam do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý.

Điều 21. — Trong khi chờ xử lý, ngoại hối tạm giữ phải gửi bảo quản tại Ngân hàng nơi gần nhất trong thời hạn chậm nhất là 5 ngày làm việc kể từ ngày bắt giữ.

Sau khi xử lý, ngoại hối tịch thu và tiền phạt đều phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. — Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Kinh tế đối ngoại và Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ quản lý ngoại hối trong phạm vi chức năng và nhiệm vụ của mình.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 162-HĐBT ngày 18-10-1988 về một số chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Công tác kế hoạch hóa dân số có tầm quan trọng rất lớn đối với sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của đất nước và nâng cao đời sống của nhân dân.

Để giảm nhanh tốc độ tăng dân số nước ta, trước mắt đạt tỷ lệ tăng dân số tự nhiên vào năm 1990 là 1,7% như Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 2 đã ghi, Hội đồng Bộ trưởng quyết định một số vấn đề cụ thể sau đây về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình:

Điều 1. — Thực hiện công tác kế hoạch hóa dân số là trách nhiệm của toàn xã hội, của nam nữ công dân, trước tiên là trách nhiệm về chỉ đạo thường xuyên của các Bộ, Ủy ban Nhân dân các cấp.

Điều 2. — **Số con của mỗi cặp vợ chồng.**

a) Những đối tượng và những người ở vùng dân cư sau đây được sinh tối đa là 2 con:

— Cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang.

— Gia đình ở thành phố, thị xã, khu kinh tế tập trung.

— Gia đình ở vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng các tỉnh ven biển miền trung, vùng trung du.

b) Gia đình các dân tộc các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam mỗi cặp vợ chồng cũng chỉ được sinh tối đa 3 con.

c) Những cặp vợ chồng tái hôn nếu cả vợ chồng đã có con riêng hay một người đã có con riêng nay muốn có con chung thì cũng chỉ được sinh 1 con.

d) Các trường hợp sinh lần thứ nhất mà sinh đôi, sinh 3 thì không được sinh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

nữa, các trường hợp đã có 1 con, sinh lần thứ hai sinh đôi, sinh 3 đều không coi là quá quy định.

e) Người đã có 2 con nhưng 2 con đều bị dị tật thì được đẻ con thứ 3.

g) Gia đình cán bộ, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức nói ở đây là cả vợ chồng là cán bộ, công nhân, viên chức hoặc chỉ một người là cán bộ, công nhân, viên chức hay tham gia lực lượng vũ trang. Gia đình ở thành phố, thị xã, khu kinh tế tập trung là căn cứ theo chỗ ở của người mẹ.

Điều 3. — **Tuổi sinh đẻ và khoảng cách sinh đẻ:**

a) Đối với các gia đình ở thành phố, thị xã khu kinh tế tập trung, các cặp vợ chồng là cán bộ, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức thì tuổi sinh đẻ của nữ là 22 tuổi trở lên, nam là 24 tuổi trở lên; ở các vùng khác nữ là 19 tuổi trở lên, nam là 21 tuổi trở lên.

b) Nếu sinh con thứ hai thì phải sau con thứ nhất từ 3 đến 5 năm. Trường hợp người phụ nữ sinh con muộn sau tuổi 30 trở đi thì khoảng cách có thể từ 2 đến 3 năm.

Điều 4. — **Thực hiện đăng ký và quản lý việc sinh đẻ:**

a) Các cặp vợ chồng đã có con (trừ những cặp vợ chồng đã thôi đẻ) và các cặp vợ chồng mới kết hôn đều phải đăng ký với chính quyền địa phương và cam kết thực hiện đúng kế hoạch hóa gia đình theo quy định ở điều 2 và 3 trên đây. Cán bộ, công nhân, viên chức, chiến sĩ lực lượng vũ trang đăng ký tại cơ quan, đơn vị, nhân dân đăng ký tại Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn.

b) Các cơ quan, đơn vị, các Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn phải thường xuyên nắm cụ thể tình hình thực hiện các biện pháp tránh thai, tình hình sinh đẻ của từng cặp vợ chồng trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

c) Các cơ quan, đơn vị đóng ở địa phương phải báo cáo tình hình kế hoạch hóa gia đình của cơ quan, đơn vị mình, chịu sự theo dõi, kiểm tra của Ủy ban Nhân dân ở cơ sở và Ban chỉ đạo dân số và kế hoạch hóa gia đình của quận, huyện, thị xã địa phương đó.

Điều 5. — **Các biện pháp đẩy mạnh công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình:**

a) Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng bằng mọi hình thức mục đích, ý nghĩa về dân số và kế hoạch hóa gia đình, làm cho mọi người hiểu rõ lợi ích và trách nhiệm của mình để tự giác thực hiện. Chú trọng vùng nông thôn; thực hiện giáo dục dân số trong các trường phổ thông, trường đại học và chuyên nghiệp và các trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

b) Kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình ở các cấp, có đủ cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách; mỗi cơ quan, đơn vị phải phân công cán bộ phụ trách công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

c) Chuẩn bị đủ các phương tiện, dụng cụ, thuốc men và cán bộ chuyên môn y tế để đáp ứng kịp thời yêu cầu khám, chữa bệnh phụ khoa, dịch vụ các biện pháp kỹ thuật tránh thai, tránh đẻ. Tổ chức các cơ sở dịch vụ y tế thuận tiện cho nhân dân, hướng dẫn các biện pháp và các phương pháp tránh thai thích hợp với tập quán của mỗi vùng và thích hợp với từng người, bảo đảm an toàn và hiệu quả về chuyên môn kỹ thuật.

d) Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các tổ chức kinh tế, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu, quận, huyện, thị xã cần bố trí kinh phí thích đáng cho Ủy ban dân số cấp tương đương để có điều kiện làm tốt nhiệm vụ về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Điều 6. — **Những chính sách, chế độ khuyến khích thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình:**

1. Từ nay một trong những tiêu chuẩn để xét cấp đất làm nhà và phân phối nhà ở là gia đình có 2 con.

LawSoft Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Gia đình chỉ có 1 con cũng được hưởng tiêu chuẩn như gia đình 2 con.

Gia đình có số con quá quy định (kể cả số con đã sinh từ trước) phải trả tiền thuê nhà, thuê đất theo giá cao trên diện tích xin cấp thêm.

2. Từ nay không cho các gia đình đã có 3 con trở lên nhập vào cư trú ở các nội thành, nội thị và khu công nghiệp tập trung

3. Những gia đình sinh con ngoài số quy định phải đóng góp kinh phí bảo trợ xã hội, bao gồm việc học và chữa bệnh và tăng mức đóng góp về lao động công ích xã hội.

4. Nhà nước cấp, không phải trả tiền các phương tiện tránh thai, vòng, bao cao su, thuốc, cũng như các dịch vụ y tế để đặt vòng, nạo phá thai, hút điều hòa kinh nguyệt cho các đối tượng là cán bộ, công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, các đối tượng thuộc chính sách ưu tiên và dân nghèo có đăng ký thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

5. Cho phép bán rộng rãi các dụng cụ tránh thai để thuận tiện cho mọi đối tượng cần sử dụng.

6. Người vô sinh nếu có nguyện vọng, được chữa bệnh để có con.

7. Nhà nước có chế độ khen thưởng để khuyến khích việc thôi đẻ bằng thắt ống dẫn tinh và thắt ống dẫn trứng.

8. Đối với các cơ quan Nhà nước cũng như đơn vị sản xuất kinh doanh, khi xem xét kết quả thực hiện kế hoạch, phải xét một tiêu chuẩn là hoàn thành các chỉ tiêu về dân số và kế hoạch hóa gia đình.

9. Đối với những cặp vợ chồng không thực hiện các điều quy định về số con, các cơ quan quản lý trực tiếp có hình thức xử phạt thích đáng phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 7. — Những quy định ghi trong Quyết định này có hiệu lực sau 3 tháng kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ký ban hành.

Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình, các Bộ, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương dựa trên bản Quyết định này hướng dẫn thi hành cụ thể trong phạm vi trách nhiệm của mình.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
K. T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 163-HĐBT ngày 19-10-1988 ban hành bản Quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ vào điều 9, điều 86 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, điều 21 Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 và Nghị quyết số 176a-HĐBT ngày 21-12-1984;

Căn cứ vào đề nghị của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về việc tạo điều kiện cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước; giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước về những vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước.

Điều 2. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 0965335358